

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016

A. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM

- Thời gian : 08h00 thứ năm, ngày 28 tháng 04 năm 2016
- Địa điểm : Hội trường Công Ty Cổ Phần Dược Becamex
- Địa chỉ : Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

B. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
I. Thủ tục khai mạc		
1	8h00 – 8h30	- Tiếp đón Đại biểu, Khách mời, quý Cổ đông; Đăng ký tham dự Đại hội; - Gửi tài liệu Đại hội, Phiếu biểu quyết.
2	8h30 – 8h35	Tuyên bố lý do. Giới thiệu Đại biểu.
3	8h35 – 8h40	Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông.
4	8h40 – 8h45	Giới thiệu và biểu quyết thông qua: Chủ tọa đoàn, Thư ký Đại hội.
II. Nội dung Đại hội		
1	8h45 – 9h00	- Thông qua Chương trình đại hội; - Thông qua quy chế làm việc tại đại hội.
2	9h00 – 9h10	Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2015; kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2016.
3	9h10 – 9h20	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh năm 2015 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
4	9h20 – 9h30	Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động năm 2015.
5	9h30 – 10h10	Chủ tọa đoàn báo cáo: - Tờ trình “Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2015”; - Tờ trình “Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016”; - Tờ trình Thông qua Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc - Tờ trình “Phê duyệt thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2016”; - Tờ trình “Lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016”. - Tờ trình “ Sửa đổi , bổ sung điều lệ Công ty”
6	10h10 – 10h25	Các Cổ đông thảo luận và phát biểu ý kiến.
7	10h25 – 10h55	Chủ tọa đoàn trả lời các ý kiến.
8	10h55 – 11h00	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi biểu quyết.
9	11h00 – 11h15	Cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung: - Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2015; kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2016. - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. - Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động năm 2015. - Các tờ trình nêu trên.
III. Tổng kết Đại hội		
1	11h15 – 11h25	Thư ký đọc Biên bản họp, Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản họp.
2	11h25 – 11h30	Bế mạc Đại hội.



TỔNG QUAN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX**
Tên tiếng Anh : **BECEMEX PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt : **BECEMEX PHARMA**
Vốn điều lệ : 40.400.000.000 VNĐ (Bốn mươi tỷ, bốn trăm triệu đồng chẵn)
Giấy chứng nhận ĐKKD số: 3700683163 - cấp ngày 12/02/2009 – Nơi cấp: Phòng ĐKKD Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương.
Trụ sở : Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
ĐT : 0650.3.553.326
Fax : 0650.3.559.899
Website : www.becamexpharma.vn
Email : administrator@becamexpharma.vn

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Được đầu tư xây dựng vào năm 2007 và chính thức đi vào hoạt động sản xuất tháng 8/2009, Công ty Cổ phần Dược Becamex được thành lập trên cơ sở tiếp quản từ Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Bình Dương trước đây. Chuyển đổi môi trường hoạt động với đơn vị chủ quản đầu tư trực tiếp là Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp TNHH – MTV Becamex IDC. Nhà máy Công ty Cổ phần Dược Becamex với tổng vốn đầu tư lên đến hơn 100 tỷ đồng. Đây là nhà máy Dược phẩm được đầu tư **đạt chuẩn GMP – Chuẩn về thực hành sản xuất thuốc tốt theo tiêu chuẩn của tổ chức y tế thế giới**. Với quy trình sản xuất khép kín trong điều kiện vệ sinh tuyệt đối, nhà máy luôn đảm bảo được 100% chất lượng và mức độ an toàn của sản phẩm thuốc.

Nhà máy dược phẩm Công ty Cổ phần Dược Becamex được xây dựng theo tiêu chuẩn ngành. Từ chất liệu xây dựng đến hệ thống điều hòa không khí và các thiết bị sản xuất đều phải đạt tiêu chuẩn về vệ sinh theo tiêu chuẩn cấp sạch theo tiêu chuẩn của tổ chức Y tế thế giới.

Nhà máy Dược được thành lập và đi vào hoạt động cho thấy một chiến lược đầu tư phù hợp của Becamex IDC nhằm xây dựng một mô hình Tổng Công ty đa ngành toàn diện cùng với việc nâng cao năng lực hoạt động các lĩnh vực đầu tư truyền thống. Việc thực hiện đầy mạnh các dự án an sinh xã hội như y tế, giáo dục đã cho thấy Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH – MTV Becamex IDC đang hướng đến mục tiêu xây dựng một mô hình công nghiệp - dịch vụ - đô thị bền vững phục vụ tốt nhu cầu phát triển của một thành phố mới Bình Dương trong tương lai.

III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
 - Sản xuất dược phẩm, vật tư y tế;
 - Sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng;
 - Mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm, hóa chất (không thuộc danh mục cấm), nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
2. Phạm vi hoạt động của Công ty là:
- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty;
 - Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
 - Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật và Điều lệ nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các Cổ đông.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Tổng Giám đốc điều hành;
4. Ban kiểm soát.

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại Cổ đông	Số lượng Cổ đông			Số lượng CP sở hữu			Tỷ lệ sở hữu CP		
		Trong nước	Nước ngoài	Tổng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng
1	Cá nhân	305	1	306	1.252.200	17.500	1.269.700	31,00%	0,43%	31,43%
2	Tổ chức	6	-	6	2.770.300	-	2.770.300	68,57%	0,00%	68,57%
Cộng		311	1	312	4.022.500	17.500	4.040.000	99,57%	0,43%	100%

Bình Dương, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005; Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Becamex đã được Đại Hội đồng Cổ Đông Công ty thông qua ngày 25/4/2011 và được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 sửa đổi, bổ sung ngày 29/5/2013;
- Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-VSD ngày 25/04/2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán;
- Căn cứ Thông báo số 411/TB-CNVSD ngày 17/03/2016 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TPHCM;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 01/2016/BB-HĐQT ngày 31/03/2016 về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 bao gồm các nội dung sau:

1. Thời gian tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016: Ngày 28/04/2016.
2. Địa điểm tổ chức Đại hội: Hội trường Công ty CP Dược Becamex, Đường NA6, KCN Mỹ Phước II, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
3. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách để tổ chức Đại hội: 30/03/2016
4. Nội dung Đại hội:
 - Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2015 và định hướng năm 2016.
 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016.
 - Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2015 và định hướng năm 2016.
 - Phê duyệt báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và phân phối lợi nhuận năm 2015.
 - Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016.
 - Thông qua Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
 - Phê duyệt mức thù lao cho HĐQT, BKS và Ban Thư ký HĐQT năm 2016.
 - Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.
 - Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014 ngày 26/11/2014

Điều 2: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu Thư ký HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Trung

Bình Dương, ngày 31 tháng 03 năm 2015

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005; Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Becamex đã được Đại Hội đồng Cổ Đông Công ty thông qua ngày 25/4/2011 và được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 sửa đổi, bổ sung ngày 29/5/2013;
- Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-VSD ngày 25/04/2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán;
- Căn cứ Thông báo số 411/TB-CNVSD ngày 17/03/2016 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TPHCM;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 01/2016/BB-HĐQT ngày 31/03/2016 về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 bao gồm các nội dung sau:

1. Thời gian tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016: Ngày 28/04/2016.
2. Địa điểm tổ chức Đại hội: Hội trường Công ty CP Dược Becamex, Đường NA6, KCN Mỹ Phước II, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
3. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách để tổ chức Đại hội: 30/03/2016
4. Nội dung Đại hội:
 - Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2015 và định hướng năm 2016.
 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016.
 - Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2015 và định hướng năm 2016.
 - Phê duyệt báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và phân phối lợi nhuận năm 2015.
 - Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016.
 - Thông qua Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
 - Phê duyệt mức thù lao cho HĐQT, BKS và Ban Thư ký HĐQT năm 2016.
 - Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.
 - Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014 ngày 26/11/2014

Điều 2: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu Thư ký HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: 411/TB-CNVSD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2016

THÔNG BÁO

(Về ngày đăng ký cuối cùng và lập Danh sách người sở hữu lưu ký chứng khoán)

**Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Các Thành viên lưu ký**

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) thông báo về ngày đăng ký cuối cùng như sau:

Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Dược Becamex.

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược Becamex.

Mã chứng khoán: BCP

Mã ISIN: VN000000BCP6

Sàn giao dịch: UPCOM

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng

Ngày đăng ký cuối cùng: 30/03/2016

Lý do và mục đích: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

Tỷ lệ phân bổ quyền: 1 cổ phiếu : 1 quyền biểu quyết.

Thời gian thực hiện: Công ty cổ phần Dược Becamex thông báo sau trong thư mời dự Đại hội đến từng cổ đông, đăng tin website của Công ty và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

Địa điểm thực hiện: Hội trường Công ty cổ phần Dược Becamex.

Nội dung họp:

- + Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016.
- + Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2015 và định hướng năm 2016.
- + Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2015 và định hướng năm 2016.
- + Phê duyệt báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và phân phối lợi nhuận năm 2015.

+ Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2016 và phân phối lợi nhuận năm 2016.

+ Phê duyệt mức thù lao cho HĐQT, BKS và Ban Thư ký HĐQT năm 2016.

+ Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.

+ Các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

Đề nghị TVLK đối chiếu thông tin người sở hữu chứng khoán trong Danh sách do VSD lập và gửi dưới dạng chứng từ điện tử với thông tin do TVLK đang quản lý đồng thời gửi cho VSD Thông báo xác nhận (Mẫu 03/THQ) dưới dạng chứng từ điện tử để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong Danh sách (Đối với các TVLK chưa hoàn tất việc kết nối hoặc bị ngắt kết nối cổng giao tiếp điện tử/cổng giao tiếp trực tuyến với VSD, đề nghị gửi Thông báo xác nhận qua email có gắn chữ ký số vào địa chỉ email thongbaoxacnhan@vsd.vn của VSD). Trường hợp không chấp

thuận do có sai sót hoặc sai lệch số liệu, TVLK phải gửi thêm văn bản cho VSD nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch và phối hợp với VSD điều chỉnh.

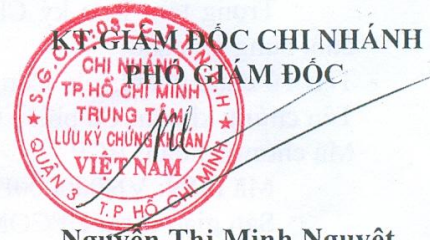
Thời hạn gửi Thông báo xác nhận: Chậm nhất vào 15h ngày 01/04/2016

Trường hợp TVLK gửi Thông báo xác nhận chậm so với thời gian quy định nêu trên, VSD sẽ coi danh sách do VSD cung cấp cho TVLK là chính xác và đã được TVLK xác nhận. Trường hợp phát sinh tranh chấp hoặc gây thiệt hại cho người sở hữu, TVLK sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các tranh chấp hoặc thiệt hại phát sinh cho người sở hữu.

Đề nghị các TVLK thông báo đầy đủ, chi tiết nội dung của thông báo này đến từng nhà đầu tư lưu ký chứng khoán nêu trên tại TVLK chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên thông báo của VSD. *dr*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TCPH;
- Ban TGD;
- KTQT, KSNB;
- P.THPC;
- Lưu KTQT, ĐK.



Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Bình Dương, ngày 01 tháng 04 năm 2016

THÔNG BÁO

(V/v : Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016)

Kính gửi : - QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005; Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công Ty Cổ phần Dược Becamex đã được Đại Hội đồng Cổ Đông Công ty thông qua ngày 25/4/2011 và được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 sửa đổi, bổ sung ngày 29/5/2013;
- Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-VSD ngày 25/04/2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 155/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2016. hướng dẫn về việc CBTT trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐQT ngày 31/03/2016 về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;
- Căn cứ Thông báo số 411/TB-CNVSD ngày 17/03/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TPHCM;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Becamex trân trọng thông báo đến quý Cổ đông về việc tổ chức Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 như sau:

Tên chứng khoán : **Cổ phiếu Công ty Cổ Phần Dược Becamex**

- Mã chứng khoán : **BCP**
- Loại chứng khoán : **Cổ phiếu phổ thông**
- Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phiếu**
- Ngày đăng ký cuối cùng : **30/03/2016**

1. Thời gian tổ chức: 8h00 Thứ năm, ngày 28/04/2016

2. Địa điểm tổ chức: Hội trường Công Ty Cổ Phần Dược Becamex

Đường NA6, KCN Mỹ Phước II, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

3. Nội dung Đại hội :

- Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2015 và định hướng năm 2016.
- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016.



- Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2015 và định hướng năm 2016.
- Phê duyệt báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và phân phối lợi nhuận năm 2015.
- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016.
- Thông qua Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
- Phê duyệt mức thù lao cho HĐQT, BKS và Ban Thư ký HĐQT năm 2016.
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.

4. Thành phần tham dự: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Becamex tại thời điểm chốt danh sách ngày **30/3/2016** hoặc người được ủy quyền tham dự.

5. Tài liệu Đại hội:

- Thư mời họp, mẫu giấy ủy quyền, giấy đăng ký tham dự Đại hội sẽ được gửi đến quý Cổ đông.
- Tài liệu họp Đại hội được công ty đăng tải trên website: www.becamexpharma.vn từ ngày **13/04/2016**.

6. Đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:

- Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời họp, Giấy CMND/Hộ chiếu. Trong trường hợp tham dự theo ủy quyền thì phải có Giấy ủy quyền hợp lệ theo mẫu của Công ty (được gửi kèm theo Thư mời họp và đăng tải trên website Công ty).
- Để việc tổ chức Đại hội đồng được chu đáo, rất mong quý Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội (HĐQT Công ty Cổ phần Dược Becamex) – ĐT: 0650.3.553.326 (gặp Bà Lý Thị Lộc) hoặc email về địa chỉ: loclt@becamexpharma.vn. Thời gian đăng ký từ ngày 14/04/2016 đến hết ngày 22/4/2016.

Thông báo này thay cho Thư mời họp trong trường hợp quý Cổ đông không nhận được thư do địa chỉ không rõ ràng hoặc do thư bị thất lạc.

Trân trọng thông báo!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN THÀNH TRUNG

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Kính gửi: Cổ đông
CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD số:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần sở hữu:

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược Becamex trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 với những nội dung sau:

- 1. Thời gian:** 8h00 Thứ Năm, ngày 28/04/2016
- 2. Địa điểm:** Hội trường Công Ty Cổ Phần Dược Becamex
Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình

Dương

3. Nội dung Đại hội:

- Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2015 và định hướng năm 2016.
- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016.
- Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2015 và định hướng năm 2016.
- Phê duyệt báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và phân phối lợi nhuận năm 2015.
- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016.
- Thông qua Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
- Phê duyệt mức thù lao cho HĐQT, BKS và Ban Thư ký HĐQT năm 2016.
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016.
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014 ngày 26/11/2014

- 4. Thành phần tham dự:** Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Becamex tại thời điểm chốt danh sách ngày 04/04/2016 hoặc người được ủy quyền tham dự.

5. Tài liệu Đại hội:

- Thư mời họp, mẫu giấy ủy quyền, giấy đăng ký tham dự Đại hội sẽ được gửi đến quý Cổ đông.
- Tài liệu họp Đại hội được công ty đăng tải trên website: www.becamexpharma.vn từ ngày 13/04/2016.

6. Đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:

- Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời họp, Giấy CMND/Hộ chiếu. Trong trường hợp tham dự theo ủy quyền thì phải có Giấy ủy quyền hợp lệ theo mẫu của Công ty (được gửi kèm theo Thư mời họp và đăng tải trên website Công ty).
- Để việc tổ chức Đại hội đồng được chu đáo, rất mong quý Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội (HĐQT Công ty Cổ phần Dược Becamex) – ĐT: 0650.3.553.326 (gặp Bà Lý Thị Lộc) hoặc email về địa chỉ: locit@becamexpharma.vn. Thời gian đăng ký từ ngày 14/04/2016 đến hết ngày 22/4/2016.

Trân trọng kính mời!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÀNH TRUNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
NA6, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
MST: 3700683163
Điện thoại: 0650.553326 Fax: 0650.559899
Website: www.becamexpharma.vn

GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Họ tên:Mã số cổ đông:
Ngày sinh: .../.../..... Quốc tịch:
Số CMND/Hộ chiếu: Cấp ngày: .../.../..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Điện thoại: Fax: Email:
Số cổ phần sở hữu:, số cổ phần được ủy quyền (nếu có):

Đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Dược Becamex, tổ chức ngày 28 tháng 04 năm 2016 tại địa điểm: Hội trường Công Ty Cổ Phần Dược Becamex – địa chỉ: Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Hình thức tham dự: Trực tiếp Ủy quyền

Trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự, đề nghị cổ đông điền thông tin vào Giấy ủy quyền theo mẫu và gửi về cho công ty 01 bản gốc kèm theo Giấy đăng ký tham dự.

.....ngày ... tháng ... năm 2016

CỔ ĐÔNG

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu là tổ chức)

GIẤY ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

1- BÊN ỦY QUYỀN:

Tên cổ đông:
CMND/Hộ chiếu/ĐKKD số: cấp ngày: tại:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần sở hữu:

2-BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN:

Họ và tên:
CMND/Hộ chiếu số: cấp ngày: tại:
Địa chỉ:
Điện thoại:

Hoặc ủy quyền cho một trong những thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) sau:

(Đánh dấu X vào ô vuông)

- | | | |
|--------------------------|--------------------------|-------------------|
| <input type="checkbox"/> | Ông Nguyễn Thành Trung | - Chủ tịch HĐQT |
| <input type="checkbox"/> | Ông Quảng Văn Viết cương | - Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> | Ông Giang Quốc Dũng | - Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> | Bà Nguyễn Thị Bích Sơn | - Thành viên HĐQT |
| <input type="checkbox"/> | Ông Phan Công Lý | - Thành viên HĐQT |

3- NỘI DUNG ỦY QUYỀN :

Bên nhận ủy quyền nhân danh cho Bên ủy quyền thực hiện quyền tham dự, biểu quyết, bầu cử và các quyền khác theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Dược Becamex được tổ chức ngày 28/04/2016 tại: Hội trường Công Ty Cổ Phần Dược Becamex - Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Bên ủy quyền chỉ được thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền và không được ủy quyền lại cho Bên thứ ba.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Dược Becamex kết thúc.

Bên ủy quyền xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi công việc do Bên được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền, đồng thời cam kết không đưa ra bất kỳ khiếu nại, kiện cáo gì đối với Công ty.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là tổ chức)

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Mục tiêu của Quy chế:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông, sớm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Becamex xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông/ người được ủy quyền dự họp đến dự họp xuất trình giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón.
2. Cổ đông/ người được ủy quyền dự họp khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
3. Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ im lặng.
4. Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được công bố công khai và phải được Chủ tọa đoàn chấp thuận trước khi thực hiện.
5. Các cổ đông/ người được ủy quyền dự họp có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/ đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/ người được ủy quyền dự họp đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa đoàn không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông và người được ủy quyền dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi tên cổ đông tham dự, số cổ phần được quyền biểu quyết (*sở hữu và ủy quyền*) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Dược Becamex.

2. Cách biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (*đồng ý, không đồng ý hoặc có ý kiến khác*) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.
- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được Đại hội đồng đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Phiếu biểu quyết lên cao.
- Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa đoàn, các cổ đông không đồng ý hoặc có ý kiến khác sẽ lần lượt giơ Phiếu biểu quyết.

3. Thể lệ biểu quyết:

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- Đối với quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận giơ cao Phiếu biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa đoàn. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, lần lượt các cổ đông giơ Phiếu biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa đoàn.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa đoàn sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa đoàn có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA ĐOÀN

1. Chủ tọa đoàn gồm 03 thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiên làm Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình, quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
3. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nằm trong nội dung chương trình Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
5. Chủ tọa đoàn có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Trường hợp chủ tọa hoãn họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
7. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Được sử dụng máy ghi âm để hoàn chỉnh Biên bản họp Đại hội một cách đầy đủ và trung thực theo trình tự diễn biến của cuộc họp ĐHCĐ.
3. Cùng với Chủ tọa đoàn thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ KIỂM PHIẾU

1. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông đối về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
2. Nhanh chóng thông báo cho Chủ tọa và Thư ký Đại hội kết quả biểu quyết.
3. Tổ chức kiểm phiếu; lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ BẦU CỬ

1. Hướng dẫn và phát phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
2. Tổ chức kiểm phiếu để xác định kết quả bầu cử; lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

IX. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Dược Becamex.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Ông: Nguyễn Thành Trung	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông: Quảng Văn Viêt Cường	Chức vụ: Thành viên HĐQT
Ông: Giang Quốc Dũng	Chức vụ: Thành viên HĐQT
Bà: Nguyễn Thị Bích Sơn	Chức vụ: Thành viên HĐQT
Ông: Phan Công Lý	Chức vụ: Thành viên HĐQT

BÁO CÁO

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2015
KẾ HOẠCH & PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016**

Hôm nay, ngày 21 tháng 04 năm 2016, Công Ty Cổ phần Dược Becamex tiến hành Đại hội cổ đông thường niên năm 2016. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Becamex xin trân trọng báo cáo đến toàn thể quý cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015, kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2016 như sau :

I. VỀ SẢN XUẤT

- Cả nước hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp đều đang tập trung sản xuất các dòng thuốc thông thường, các thuốc chuyên khoa, đặc trị, yêu cầu kỹ thuật bảo chế hiện đại gần như không được quan tâm; Do đó, tình trạng cạnh tranh phân khúc thuốc thông thường rất khốc liệt và thiếu lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong nước.
- Các loại thuốc nhập khẩu vẫn ưu thế trên thị trường đặc biệt là phân khúc các thuốc điều trị ung thư, tiểu đường, hô hấp, béo phì, hệ miễn dịch... vẫn gần như là độc quyền cho các công ty nước ngoài. Các doanh nghiệp Việt Nam đa số chỉ sản xuất các thuốc thông thường từ các nguồn nguyên liệu hoàn toàn nhập khẩu.

II. VỀ KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI

- Tỷ trọng sử dụng thuốc trong hệ thống các cơ sở khám chữa bệnh phải thông qua cơ chế đấu thầu; Việc thực hiện luật đấu thầu mang lại nhiều ảnh hưởng tích cực đến việc quản lý giá thuốc, cũng gây một số ảnh hưởng tiêu cực đến các doanh nghiệp dược trong nước;
- Trong khi yếu tố chất lượng lại không được quan tâm như yếu tố giá nên đối với các doanh nghiệp trong nước đã đầu tư quy mô sản xuất hiện đại lại là bất lợi lớn do không thể giảm giá thuốc để cạnh tranh với các nhà sản xuất nhỏ và đặc biệt là nguồn cung thuốc nhập khẩu từ các nước lân cận.

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2015:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2015	THỰC HIỆN NĂM 2015	TỶ LỆ TH/ KH (%)
1	Tổng doanh thu	91.547.500.000	72.713.049.067	79 %
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	9.360.000.000	3.070.596.367	33 %
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.596.000.000	1.109.695.924	20 %
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.392	235	17 %
5	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	8%	4%	50 %

Chi tiết doanh thu theo từng hoạt động như sau:

	Năm 2015	Năm 2014	2015/2014 (%)
<i>Doanh thu hàng hóa</i>	<i>26.962.681.222</i>	<i>25.990.577.954</i>	<i>103 %</i>
<i>Doanh thu thành phẩm</i>	<i>26.476.616.047</i>	<i>24.750.420.280</i>	<i>106 %</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>168.848.008</i>	<i>661.187.669</i>	<i>25 %</i>
<i>Doanh thu bất động sản</i>	<i>19.104.903.790</i>	<i>32.108.116.727</i>	<i>59%</i>

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2015

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thực hiện một số các hoạt động chủ yếu như sau:

- Trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn ông Nguyễn Thành Trung – Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc
- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2015
- Tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông
- Thông qua kết quả hoạt động năm 2015 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016
- Hội đồng quản trị đã cùng với Ban Giám đốc thực hiện những việc trọng yếu sau:
 - o Tiếp tục thực hiện cải tổ nhân sự, tuyển dụng và đầu tư nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên làm nền tảng cho mở rộng các hoạt động sản xuất – kinh doanh
 - o Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất sản xuất (ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào, chú trọng công tác cung ứng và kế hoạch sản xuất, ...) nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng cao – giá thành hợp lý
 - o Thực hiện đăng ký lại các sản phẩm hết hạn số đăng ký trong năm 2015 là 25 sản phẩm, hiện tại có 6 sản phẩm có số đăng ký trong năm 2015, 13 sản phẩm chuẩn bị đăng ký lại và 23 sản phẩm được gia hạn.
 - o Hoàn tất thủ tục mở thêm được 31 quầy mới, tái thẩm định 73 quầy thuộc doanh nghiệp đạt chuẩn GPP, nâng tổng số lên 204 quầy và 60 Đại lý ở các khu vực Dầu tiêng, Phú Giáo, Tân Uyên, Bến Cát.
 - o Đẩy mạnh hoạt động sản xuất và kinh doanh (doanh số hàng sản xuất tăng 6% so với năm 2014).

V. THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, THƯ KÝ

Năm 2015, thù lao chi trả Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và thư ký là: 204.000.000 đồng. Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 48.000.000 đ
- Thành viên HĐQT (4 thành viên): 96.000.000 đ
- Trưởng ban kiểm soát: 24.000.000 đ
- Thành viên BKS (2 thành viên): 24.000.000 đ
- Thư ký: 12.000.000 đ

VI. CÔNG TÁC GIÁM SÁT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC :

- Mô hình Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc hiệu quả cho Công ty trong giai đoạn hiện nay là rất thuận lợi từ khâu ý tưởng, lập kế hoạch triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát và đặc biệt có nhiều điều chỉnh, xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình thực hiện công việc được thống nhất, nhanh hơn và hiệu quả hơn.
- Thực hiện việc kiểm soát, giảm phí trong hoạt động mua nguyên liệu đầu vào, bao bì, công cụ, dụng cụ, vật tư, thiết bị dùng cho sản xuất... thương thảo với tất cả nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào, thay đổi các phương thức thanh toán tốt nhất cho Công ty.
- Vấn đề công nợ được quản lý chặt chẽ, bán hàng phải thu được tiền, không để phát sinh nợ xấu.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 :

Năm 2016, hoạt động sản xuất – kinh doanh của công ty dự đoán sẽ còn đối mặt với những khó khăn như sau:

- Nhiều sản phẩm có số đăng ký hết hạn chưa được cấp số mới làm ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động sản xuất – kinh doanh
- Các sản phẩm hiện tại của công ty chủ yếu là thuốc OTC, chưa tạo nên thế mạnh trong đấu thầu cũng như cạnh tranh với các công ty trong và ngoài nước khác, đặc biệt là về giá
- Nguồn nhân lực chưa thật sự vững mạnh
- Các khó khăn trong việc tìm kiếm và mở rộng thị trường kinh doanh phân phối

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị xác định định hướng hoạt động của công ty trong năm 2016 như sau:

❖ Về quản lý:

- Tăng cường sự quản lý, giám sát của Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả công việc
- Tạo môi trường làm việc thân thiện, chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao
- Xây dựng các tiêu chí cụ thể trong đánh giá hiệu quả công việc, nhằm kích thích công nhân viên sáng tạo, nâng cao năng suất làm việc
- Về phần mềm quản lý : Hiện nay rất nhiều Công ty được chưa có phần mềm quản lý ERP, DMS.
 - + ERP : Phần mềm tổng thể quản lý công ty: sản xuất, QA, QC, kế toán.
 - + DMS : Quản lý hệ thống phân phối và trình dược.
-

❖ Về sản xuất:

- Đầu tư các thiết bị sản xuất cần thiết nhằm nâng cao năng suất, thiết bị kiểm soát qui trình sản xuất nhằm tăng cường kiểm soát chất lượng và ổn định qui trình

- Chú trọng chất lượng và tính ổn định của nguồn nguyên liệu đầu vào, vừa đảm bảo chất lượng thành phẩm, vừa chủ động và linh hoạt trong sản xuất
- Tăng cường chỉ đạo và giám sát tiến độ đăng ký lại các sản phẩm hết hạn số đăng ký, tận dụng tối đa các nguồn lực bên trong và bên ngoài trong công tác đăng ký để không ảnh hưởng kế hoạch sản xuất – kinh doanh
- Chú trọng công tác cung ứng và lập kế hoạch sản xuất, đặc biệt đối với các sản phẩm gần hết hạn số đăng ký
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, tăng cường hợp tác, tư vấn từ bên ngoài, triển khai sản xuất các sản phẩm đã có số đăng ký và phát triển sản phẩm mới
- Tìm đối tác sản xuất gia công, nhượng quyền

❖ **Về kinh doanh:**

- Tìm kiếm các đối tác và phát triển doanh số thành phẩm sản xuất dưới hình thức là ký hợp đồng bao tiêu.
- Chọn các sản phẩm chủ lực, xây dựng chiến lược kinh doanh cụ thể cho các mặt hàng này, đồng thời lập kế hoạch sản xuất tương ứng đủ đáp ứng kế hoạch kinh doanh
- Xây dựng các chương trình khuyến mãi, các thỏa thuận về doanh số với các quầy thuốc
- Tổ chức huấn luyện kỹ năng làm việc cho đội ngũ trình dược viên, vừa khai thác hiệu quả mạng lưới bán buôn, vừa xây dựng và quảng bá hình ảnh công ty và sản phẩm
- Đẩy mạnh công tác đấu thầu thuốc

Xây dựng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm chia làm 3 nhóm thị trường theo mục tiêu sau :

✚ Thị trường trong tỉnh: Hệ thống quầy trực thuộc - đại lý, quầy thuốc tư nhân .

- Tiếp tục mở rộng, phát triển thêm quầy và đại lý mới.
- Rà soát và củng cố hệ thống quầy: quầy không thực hiện đúng quy định khoán doanh số thì Công ty mạnh dạn chấm dứt hợp đồng cho ra khỏi hệ thống quầy doanh nghiệp.
- Xây dựng các mặt hàng chủ lực và có chiến lược kinh doanh cụ thể cho từng mặt hàng.
- Ra các chính sách mới như: xây dựng các chương trình khuyến mãi, thay đổi cách tính giá, tính lương, phương thức đặt và giao hàng kịp thờitạo mọi điều kiện thuận lợi cho quầy trực thuộc đạt được doanh số.
- Đối với quầy thuốc Công ty trực tiếp bán và quản lý như: Quầy số 1, số 9, số 486 Công ty đang từng bước củng cố và xây dựng hoàn thiện để đây là mô hình đi đầu để định hướng các quầy đi theo.
- ***Xây dựng hệ thống bán hàng có kỹ năng giao tiếp và trình độ chuyên môn cao khác biệt với hệ thống khác như :***
 - + Xây dựng hệ thống đường dây điện thoại nóng với dược sỹ có chuyên môn: hỗ trợ tư vấn trực tiếp khi gặp các trường hợp khó xử lý trong cất liều và điều trị.....
 - + Xây dựng đội ngũ Bác sỹ lâm sàng: hỗ trợ tư vấn, tập huấn, cập nhật kiến thức nhận biết lâm sàng cho các Dược sỹ trung cấp đứng bán trực tiếp tại các quầy thuốc tạo sự gắn bó giữa quầy và Công ty.
 - + Mở các lớp tập huấn về: kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp và thường xuyên kiểm tra đánh giá từng đối tượng.
 - + Đối với các quầy trong hệ thống: Quy định phải trực tiếp tư vấn và bán hàng cho khách hàng. Nếu quầy nào thuê người đứng bán phải báo cáo Công ty và phải được sự đồng ý của Công ty.

✚ Thị trường ngoài tỉnh : Hệ thống OTC và ETC

- Đẩy mạnh công tác đấu thầu thuốc.
- Ưu tiên thiết lập mối quan hệ giữa Dược Becamex với các Trung Tâm Y Tế, Bệnh viện tạo thiện cảm và thuận lợi trong công tác đấu thầu
- Thành lập đội ngũ trực tiếp quản lý thị trường OTC và ETC bao gồm 30 Tỉnh và Thành Phố.

- Có chính sách và giá bán phù hợp với từng thị trường.

Thị trường ETC trong tỉnh : Bệnh viện công, bệnh viện tư, phòng khám đa khoa và phòng mạch tư.

- Trong năm 2016 xây dựng, khai thác và phát triển thị phần này. Đây là thị phần lớn mà trước đây Công ty chưa chú trọng phát triển.

- Xây dựng chính sách riêng cho thị trường này .

Căn cứ vào tình hình kinh doanh năm 2015, dự đoán tình hình thị trường trong năm 2016, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	Tỷ lệ KH 2016/ TH 2015 (%)
1	Tổng doanh thu	72.713.049.067	80.081.000.000	110 %
2	Lợi nhuận trước thuế	3.070.596.367	4.091.000.000	133 %
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.109.695.924	2.480.000.000	223 %
4	Dự kiến chia cổ tức cho các cổ đông	4%	5%	125 %

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015, kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2016, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÀNH TRUNG

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông : NGUYỄN THÀNH TRUNG
Ông : LÊ TRUNG HIẾU
Bà : NGUYỄN THỊ BÍCH SƠN

Chức vụ : Người đại diện theo pháp luật
Chức vụ : Phó Tổng giám đốc
Chức vụ : Kế toán trưởng

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 &
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Công ty cổ phần dược Becamex trực thuộc Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp **TNHH - MTV BECAMEX IDC**.

Công ty Cổ phần Dược Becamex (“Công ty”) là một công ty cổ phần dược thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700683163, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 12 tháng 2 năm 2009, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, dụng cụ, thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và cá loại dược phẩm bào chế khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam, với tổng diện tích đất là: 41.657 m²

Nhà máy sản xuất của Công ty tọa lạc tại địa chỉ KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. Đây là nhà máy dược đầu tư đạt chuẩn **GMP - WHO**, với hệ thống máy móc hiện đại và quy trình sản xuất khép kín trong điều kiện vệ sinh tuyệt đối, nhà máy luôn đảm bảo được chất lượng và mức độ an toàn của sản phẩm.

PHẦN I
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

I. Báo cáo tình hình nhân sự :

1. Công tác nhân sự:

- **Tổng số nhân sự hiện tại: 99 CBNV** khối trực tiếp (*văn phòng + nhà máy*)

Trong đó:

- Tăng mới : **15** CBNV
- Giảm : **16** CBNV

- **Tổng số Quầy thuốc** doanh nghiệp trực thuộc Công ty **204 Quầy**

Trong đó:

- Tăng mới : **31** quầy
- Giảm : **27** quầy

- **Tổng số Đại lý: 60** ở các khu vực (Dầu tiếng, Phú Giáo, Tân Uyên, Bến Cát)

2. Công tác tổ chức năm 2015:

- Hoàn tất hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc Công ty CP Dược Becamex “Buôn bán thành phẩm thuốc tân dược và đông dược”.
- Mở rộng và phát triển hệ thống quầy thuốc trực thuộc thêm 34 quầy mới và điều chỉnh 9 quầy thuốc cũ cho phù hợp với nhu cầu phát triển kinh doanh.
- Điều chỉnh giấy phép đăng ký kinh doanh công ty lần thứ 12 (trong đó: tăng mới 34 quầy, chuyển địa điểm kinh doanh 5 quầy và thay đổi người phụ trách chuyên môn 4 quầy).
- Tổ chức ký hợp đồng lao động cho 88 quầy thuốc doanh nghiệp cũ và 5 quầy thuốc doanh nghiệp mới đủ điều kiện kinh doanh.
- Tổ chức tập huấn triển khai các qui định thành lập quầy mới và công tác GPP cho quầy thuốc doanh nghiệp mới trong hệ thống.
- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra và đi tái thẩm định GPP cho 73 quầy thuốc cũ.
- Tổ chức khám sức khỏe cho toàn thể CBNV Công ty.
- Tổ chức đi khảo sát và đánh giá tình hình thực tế quầy thuốc doanh nghiệp trực thuộc.
- Phối hợp với tổ chức đoàn thể tổ chức Đại hội Công đoàn nhiệm kỳ 2015 – 2017.
- Thay đổi công tác tổ chức tổ bảo vệ, tổ bảo vệ được thành lập mới trực thuộc công ty với 5 nhân sự.
- Phối hợp với tổ chức Công đoàn và đoàn thanh niên xây dựng phong trào trồng cây nhớ bác

Nhận định chung tình hình nguồn nhân lực hiện tại và ý kiến đề xuất:

- Sau hơn 2 năm củng cố hệ thống nguồn nhân lực hiện tại tương đối ổn định. Công ty đã tuyển dụng mới được 02 dược sĩ đại học, tốt nghiệp tại Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh, có năng lực chuyên môn khá tốt giúp củng cố và xây dựng phòng Nghiên cứu & Phát triển của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn.
- Tuy nhiên để đẩy mạnh phát triển công ty cần bổ sung nhân sự có đủ năng lực và trình độ chuyên môn cho các vị trí sau:
 - Trưởng phòng Kinh doanh (*xây dựng chiến lược kinh doanh và phát triển thị trường*). Đây là hai bộ phận quan trọng, quyết định trong chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty.
 - Tuyển dụng dược sĩ đại học đào tạo và phát huy nguồn nhân lực tiềm năng có khả năng phát triển hơn nữa trong tương lai.
 - Cần bổ sung nhân sự có đủ năng lực nhằm giúp phòng Cơ điện phát huy hết vai trò trách nhiệm của mình, giúp công ty cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Hệ thống quầy thuốc: tình hình hiện tại

- Nhiều quầy thuốc doanh nghiệp chưa thực hiện tốt việc sắp xếp quầy, tủ, kệ và trưng bày sản phẩm, mặt tiền quầy thuốc bị che khuất bởi nhiều sản phẩm linh tinh khác.
- Nhân viên quầy chưa thống nhất mặt áo đồng phục và đeo băng tên theo qui định của công ty khi đứng bán thuốc.
- Nhân viên quầy thuốc bán hàng theo cách tự phát và bản năng tự có chưa được đào tạo.
- Chưa xây dựng mô hình quầy thuốc mẫu trong hệ thống Công ty Dược Becamex.

3. Kiến nghị xây dựng hệ thống quầy thuốc doanh nghiệp:

- Nhằm thúc đẩy tình hình hoạt động kinh doanh quầy thuốc xây dựng quy chế quản lý hệ thống quầy thuốc (*quy định GPP, chính sách khen thưởng/ kỷ luật...*)
- Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất.
- Chính sách chăm sóc hệ thống quầy thuốc.
- Chế độ ưu đãi và khen thưởng quầy thuốc đạt, vượt doanh số trong quý, năm.
- Tổ chức đào tạo kỹ năng bán hàng, tư vấn cho khách hàng.
- Đào tạo kiến thức phối hợp thuốc trong điều trị.

4. Biến động nhân sự trong năm 2015:

*. Tình hình biến động nhân sự khối văn phòng và nhà máy 2015:				
◇. Nhân sự giảm:	16		◇. Nhân sự Tăng:	15
- DS đại học và trên ĐH.	2		- Đại học	3
- DS trung học	6		- DS trung học	5
- ĐH khác	2		- ĐH Khác	2
- Trình độ khác	6		- Trung cấp khác	5

Thuyên chuyển công tác và Bổ nhiệm nhân sự: 04 CBNV

01: Trưởng phòng Kinh doanh.

01: Phó phòng Kiểm tra chất lượng.

01: Phó phòng đảm bảo chất lượng.

01: Phó phòng kinh doanh.

5. Công tác đào tạo năm 2015:

Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề cho CBNV công ty.

Stt	Họ tên	Nội dung đào tạo	Thời gian	Đơn vị đào tạo
<u>1. cử CBNV tham gia đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn :</u>				
1	Nguyễn Thị Hiếu Hạnh	Nguyên tắc thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc - GLP	Ngày 20 và 21/08/2015	Viện kiểm nghiệm thuốc thành phố Hồ Chí Minh
2	Trần Ngọc Thắng			
3	Phan Nhật Duy			
4	CBNV Phòng R&D, Phòng QA và Phòng QC	Các Phương pháp thẩm định & Hồ sơ đăng ký thuốc	Ngày 22 và 23/08/2015	Viện kiểm nghiệm
5	Hàng Thanh Thảo	- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm - Thiết lập tính liên kết chuẩn đảm bảo kết quả thử nghiệm và thiết lập hồ sơ chất chuẩn làm việc.	Ngày 02 và 03/10/2015	Viện Kiểm Nghiệm TP.HCM,
6	Hàng Thanh Thảo	Quản lý và Kỹ thuật an toàn Phòng thí nghiệm hóa học và vi sinh	Ngày 25 và 26/11/2015	Trung Tâm Đào Tạo và Phát Triển Sắc Ký

II. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN :

Đây là hoạt động rất quan trọng của Công ty. Trong năm 2015, phòng nghiên cứu phát triển có nhiều chuyển biến tích cực cả trong công tác chuyên môn và còn là biểu tượng cho sự đoàn kết các phòng ban với nhau. Trong năm 2015, công tác chuyên môn của phòng đã được cải thiện rõ rệt, nâng cao chất lượng của sản phẩm hiện có, nghiên cứu và triển khai được một số sản phẩm mới đã có số nhưng chưa sản xuất, hỗ trợ trong công tác đăng ký thuốc.

Năm 2016 sẽ có nhiều sự chuyển biến tích cực từ phòng nghiên cứu phát triển, công việc không phải trong phòng thí nghiệm mà phải tiếp cận và đáp ứng được nhu cầu người sử dụng và sự khắc khe của

thị trường. Ngoài ra với những con người mới có năng lực chuyên môn, nhiệt huyết xử lý công việc nhanh chóng, gọn gàng tạo được tinh thần đoàn kết giữa các phòng ban.

Về hồ sơ đăng ký, Công ty đã thực hiện đăng ký cụ thể như sau :

- Hồ sơ có số đăng ký năm 2015: 6 sản phẩm
- Hồ sơ đăng ký lại năm 2015: 25 sản phẩm
- Hồ sơ được gia hạn: 23 sản phẩm
- Hồ sơ chuẩn bị đăng ký lại : 13 sản phẩm

Đồng thời bộ phận nghiên cứu và phát triển cũng đang trong quá trình nghiên cứu thêm những sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu điều trị của ngành y tế.

III. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT:

Trong năm 2015, giá trị sản xuất của Công ty năm 2015 đạt gần 29 tỷ đồng với 51 mặt hàng, đạt 100% so với kế hoạch năm 2015. Số lượng cụ thể cho từng mặt hàng được sản xuất như sau :

OTC					
STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	KẾ HOẠCH 2015	THỰC HIỆN 2015	TỈ LỆ % TH/KH
I.	Các loại thuốc viên				
1	Nhóm thuốc dị ứng				
1	Cetirizin 10mg đỏ, vỉ	Viên	3,000,000	1.915.500	64
2	Cetirizin 10mg đỏ, chai 500v	Viên	2,000,000	2,772,000	139
3	Cetirizin 10mg đỏ, chai 200v	Viên			
4	Cetirizin 10mg trắng, vỉ	Viên	3,000,000	3,989,900	133
5	Cetirizin 10mg trắng, chai	Viên	7,000,000	12,456,000	178
6	Clazidyne, viên nén, trắng	Viên	1,000,000	5,018,700	502
7	Fexofenadin 180mg	Viên	200,000	192,150	96
2	Nhóm thuốc gan				
8	Methionin 250mg	Viên	3,000,000	4,651,800	155
3	Nhóm thuốc hạ sốt, giảm đau				
9	Paracetamol 500mg ch500 xanh trắng	Viên	1,000,000		
10	Paracetamol 500mg ch500 tím hồng	Viên	1,500,000	1,500,500	100
11	Paracetamol 500mg ch500 tím tím	Viên	1,500,000	1,372,000	91
12	Paracetamol 500mg vỉ	Viên	1,000,000	1,400,700	140
13	Ecaxan	Viên	1,000,000	1,642,300	164
14	Lessenol 500	Viên	1,500,000	1,521,700	101
15	Lessenol Extra	Viên	3,000,000	3,182,000	106
4	Nhóm thuốc thần kinh				
16	Piracetam 400	Viên	400,000	151,400	38
17	Piracetam 800	Viên	700,000	1,467,650	210
5	Nhóm thuốc ho				
18	Tofluxin, viên nang các loại	Viên	4,000,000	5,374,000	134
6	Nhóm thuốc kháng sinh				

19	Becacipro 500mg	Viên	2,000,000	1,201,500	60
20	Becaspira 1,5MUI	Viên	400,000	410,160	103
21	Becaspira 3MUI	Viên	600,000	201,950	34
7	Nhóm thuốc kháng viêm				
22	Alpha Chymotrypsine	Viên	6,000,000	4,633,880	77
23	Abidal	Viên	6,000,000	13,719,000	229
24	Betamethasone hồng	Viên	6,000,000	13,808,000	230
25	Betamethasone xanh	Viên	4,000,000	9,797,000	245
26	Dexamethason 0,5mg, vàng	Viên	6,000,000	11,855,000	198
27	Dexamethason 0,5mg, kem	Viên	6,000,000	17,930,500	299
28	Dexamethason 0,5mg vi	Viên	1,000,000	1,245,600	125
29	Dexamethason 0,5mg trắng chai 500	Viên	4,000,000	6,063,000	152
30	Prednison 5mg hồng (ch500)	Viên	20,000,000	11,582,500	58
31	Prednison 5mg xanh (ch500)	Viên	18,000,000	10,486,500	58
32	Prednisone hủ hồng	Viên	2,000,000	3,933,000	197
33	Prednisone hủ xanh	Viên	2,000,000	3,810,000	191
34	Prednison xanh vi 100v	Viên	1,000,000	1,334,900	133
8	Nhóm thuốc tiêu hoá, dạ dày				
35	Becadom	Viên	6,000,000	4,995,400	83
36	Lansoprazole	Viên	200,000	110,190	55
37	Zimzym Tab	Viên		593,735	
9	Nhóm thuốc bổ				
38	Vitamin C 500mg, vi	Viên	600,000	690,600	115
39	Vitamin C 500mg, chai 100 viên	Viên	2,000,000	1,151,600	58
40	Vitamin C 500mg, chai 200 viên			499,000	
41	Mg-B6	Viên	2,100,000	1,629,500	78
42	Vitamin B Complex C (Vi)	Viên		60,400	
43	Vitamin B Complex C (Chai 100 viên)	Viên		1,003,900	
II.	Thực phẩm chức năng				
44	Cao ích mẫu	Chai	16,000	4,844	30
	TỔNG		130.716.000	171.363.459	
	ETC				

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	KẾ HOẠCH 2015	THỰC HIỆN 2015	TỈ LỆ % TH/KH
I.	Các loại thuốc viên				
1	Nhóm thuốc kháng sinh				
1	Becazithro 250mg trắng vi	Viên	400,000	650,250	163
2	Becazithro 250mg chai	Viên	200,000	667,710	334
3	Becaclary 250mg	Viên		146,730	
2	Nhóm thuốc tiêu hoá, dạ dày				
4	Pyomezol	Viên	2,000,000	1,538,862	77
3	Nhóm thuốc tim mạch				
5	Becamlostin	Viên	2,000,000	1,670,189	84
4	Nhóm thuốc kháng viêm				

6	Beroxib	Viên	2,000,000	2,582,550	129
7	Morif 7.5 mg viên nén	Viên	4,000,000	5,263,800	132
TỔNG			10.600.000	12,520,091	

BAO TIÊU					
STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	KẾ HOẠCH 2015	THỰC HIỆN 2015	TỈ LỆ % TH/KH
1	Cetirizin 10mg đỏ, vỉ	Viên	6,300,000	3.997.300	63
2	Paracetamol 500mg ch500 tím hồng	Viên	9,000,000	2,287,500	25
3	Paracetamol 500mg ch500 tím tím	Viên	9,000,000	2,207,500	25
4	Paracetamol 500mg ch200 tím hồng	Viên		2,007,200	
5	Paracetamol 500mg ch200 tím tím	Viên		1,978,200	
6	Piracetam 800	Viên	1,500,000		-
7	Betamethasone hồng hủ	Viên	16,000,000	1,940,000	12
8	Betamethasone xanh hủ	Viên	6,000,000		-
9	Diosmectit 3g	Viên	85,000	85,960	101
10	Vitamin C 500mg cam/tím chai 200	Viên	2,000,000	3,543,800	177
11	Dexamethason 0,5mg, vàng	Viên		6,000,000	
12	Dexamethason 0,5mg, kem	Viên		1,940,000	
13	Becadom	Viên		2,000,000	
14	Prednisone hủ hồng	Viên		2,580,000	
15	Prednisone hủ xanh	Viên		1,600,000	
CỘNG				28,170,160	
TỔNG CỘNG			191.201.000	216,051,010	

IV. TÌNH HÌNH KINH DOANH :

Hiện tại Công ty có 204 quầy thuốc doanh nghiệp và hơn 60 đại lý phân phối các sản phẩm của Công ty sản xuất, cũng như hệ thống đại lý phân phối tại các tỉnh thành trên cả nước nên thị trường tiêu thụ của Công ty cũng khá ổn định.

IV. KẾT QUẢ KINH DOANH :

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2014	KH 2015	Năm 2015	2015/2014	TH/KH
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.510.302.630	91.547.500.000	72.713.049.067	87 %	79%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	284.493.251	245.000.000	225.367.072	79 %	92 %
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.225.809.379	91.302.500.000	72.487.681.995	87 %	79 %
4	Giá vốn hàng bán	58.422.087.268	64.662.000.000	53.691.017.643	92 %	83 %
6	Doanh thu hoạt động tài chính	8.042.546	8.000.000	6.269.424	78 %	78 %
7	Chi phí tài chính	2.151.602.724	2.531.000.000	2.416.893.353	112 %	95%

	Trong đó: chi phí lãi vay	2.151.602.724	2.531.000.000	2.416.893.353	112 %	95 %
8	Chi phí bán hàng	5.855.072.238	5.700.000.000	4.284.308.235	73 %	75 %
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.692.863.235	9.910.000.000	9.855.111.184	113 %	99 %
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.112.226.460	8.507.500.000	2.246.621.004	28 %	26 %
13	Lợi nhuận khác	400.504.683	853.000.000	823.975.363	205 %	96 %
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.512.731.143	9.360.500.000	3.070.596.367	36 %	33 %
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.424.564.090	3.764.000.000	1.095.632.538	56 %	50 %
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			55.267.905		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.088.167.053	5.596.500.000	1.109.695.924	22 %	20 %
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.266	1.392	235	22 %	17 %

PHẦN II KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

I. CÔNG TÁC NHÂN SỰ :

- Củng cố hệ thống quầy thuốc hiện tại:
 - Xây dựng mô hình mẫu chuẩn quầy thuốc doanh nghiệp, training và hỗ trợ NV quầy tổ chức lại quầy thuốc.
 - Tổ chức đào tạo kỹ năng bán hàng, tư vấn cho khách hàng.
 - Đào tạo kiến thức phối hợp thuốc trong điều trị.
 - Xây dựng chính sách khen thưởng, kỷ luật quầy thuốc doanh nghiệp.
 - Tổ chức kiểm tra định kỳ hàng tháng/quý (*kiểm tra công tác tổ chức quầy thuốc, cách bán hàng và tư vấn cho khách hàng*).
- Mở rộng hệ thống quầy thuốc doanh nghiệp trong năm 2016
- Mở rộng hệ thống kinh doanh ra các khu vực lân cận: Bình Phước, Tây Ninh, TP.HCM, Vũng Tàu, Đồng Nai, Bến Tre.....

II. SẢN XUẤT:

- Nâng cao hiệu quả công tác đăng ký lại các sản phẩm hết hạn số đăng ký để không ảnh hưởng kế hoạch sản xuất – kinh doanh
- Chú trọng công tác cung ứng, đảm bảo cung ứng đủ và kịp thời theo kế hoạch sản xuất
- Có kế hoạch sản xuất chi tiết, đặc biệt đối với các sản phẩm gần hết hạn số đăng ký, đảm bảo cung cấp đủ hàng hóa cho kinh doanh, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực:
- Chú trọng chất lượng và tính ổn định của nguồn nguyên liệu đầu vào, vừa đảm bảo chất lượng thành phẩm, ổn định giá thành, vừa chủ động và linh hoạt trong sản xuất.
- Tìm đối tác sản xuất gia công để sử dụng hết công suất nhà máy
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, tăng cường hợp tác, tư vấn từ bên ngoài, triển khai sản xuất các sản phẩm đã có số đăng ký và phát triển sản phẩm mới
- Năm 2016, Công ty đẩy mạnh công tác bán hàng: kế hoạch sản xuất của Công ty năm 2016 dự kiến khoảng 30 tỷ, tăng 13% giá trị so với năm 2015.

III. KINH DOANH :

- Tiếp tục mở rộng hệ thống quầy thuốc doanh nghiệp, đặc biệt khu vực Bến Cát, Phú Giáo, Tân Uyên
- Có định hướng cụ thể phát triển và khai thác hiệu quả hệ thống phân phối trực tiếp: Quầy thuốc số: 1, 486, 599.
- Xây dựng các chính sách bán hàng, giá cả phù hợp với từng thời điểm.
- Huấn luyện kỹ năng làm việc cho đội ngũ trình dược viên trong công tác quản lý và chăm sóc khách hàng.
- Đẩy mạnh công tác đấu thầu thuốc. Tạo mối quan hệ thân thiết với các Bệnh viện, các trung tâm Y tế của các Tỉnh, Thành phố.
- Thành lập bộ phận xuất nhập khẩu : đáp ứng nhu cầu mua trực tiếp nguyên vật liệu nhằm tăng cường kiểm soát chất lượng đầu vào, đồng thời phát triển kinh doanh nguyên vật liệu, nhập khẩu ủy thác.

Bảng Kế hoạch kinh doanh mặt hàng dược phẩm năm 2016

ST T	NỘI DUNG	Năm 2015	Kế hoạch 2016	Tỷ lệ tăng giảm 2016/2015
1	Hàng hóa	26.962.681.222	27.500.000.000	102 %
2	Thành phẩm sản xuất	26.476.616.047	30.000.000.000	113 %
Tổng cộng doanh thu		53.439.297.269	57.500.000.000	

Bảng Kế hoạch kết quả kinh doanh dự kiến năm 2016

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện Năm 2015	Kế hoạch Năm 2016	Tỷ lệ KH 2016/TH 2015
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.713.049.067	80.081.000.000	110 %
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	225.367.072	225.000.000	99 %
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.487.681.995	79.856.000.000	110 %
4	Giá vốn hàng bán	53.691.017.643	56.058.000.000	104 %
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6.269.424	6.300.000	100 %
7	Chi phí tài chính	2.416.893.353	2.419.000.000	100 %
	Trong đó: chi phí lãi vay	2.416.893.353	2.419.000.000	100 %
8	Chi phí bán hàng	4.284.308.235	5.989.000.000	139 %
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.855.111.184	11.860.000.000	120 %
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.246.621.004	3.536.300.000	157 %
13	Lợi nhuận khác	823.975.363	554.700.000	67 %
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.070.596.367	4.091.000.000	133 %
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.095.632.538	1.610.000.000	146 %

16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	55.267.905		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.109.695.924	2.480.000.000	223 %
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	235	586	249 %
19	Dự kiến chia cổ tức cho các cổ đông	4 %	5 %	125 %

Trên đây là Bảng báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty Cổ phần Dược Becamex, kính trình Đại hội đóng góp ý kiến để báo cáo được hoàn chỉnh hơn.

Bình Dương, ngày 12 tháng 04 năm 2016
TỔNG GIÁM ĐỐC

TỜ TRÌNH

“V/v: Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2015”

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP DƯỢC BECAMEX

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014 .
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ phần Dược Becamex;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Dược Becamex đã được đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tiến hành kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược Becamex kính trình Đại hội đồng Cổ đông:

- 1. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C với các chỉ tiêu chính như sau:**
 - Tổng doanh thu: 72.713.049.067 đồng
 - Tổng lợi nhuận trước thuế: 3.070.596.367 đồng
 - Lợi nhuận sau thuế: 1.109.695.924 đồng
 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 235 đồng/cổ phiếu
- 2. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2015:**

Lợi nhuận 2014 chuyển sang	1.103.373.423
Lợi nhuận sau thuế năm 2015	1.109.695.924
LN sau thuế dự kiến phân phối	2.213.069.347
LN dự kiến phân phối trong năm như sau:	2.034.099.185
<i>Thù lao HĐQT (năm 2015)</i>	<i>204.000.000</i>
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15 %/LNST)</i>	<i>166.454.388</i>
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển (5%/LNST)</i>	<i>55.484.796</i>
<i>Chia cổ tức (4%/VĐL)</i>	<i>1.608.160.000</i>
LN còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2016	178.970.162

Kính trình Đại hội xem xét, phê chuẩn.
Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÀNH TRUNG

TỜ TRÌNH

**“V/v: *Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016*
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016”**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP DƯỢC BECAMEX

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014 .
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ phần Dược Becamex;
- Căn cứ vào tình hình thực tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty; Dự báo những thuận lợi và khó khăn trong năm 2016.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐQT ngày 31/03/2016 của Hội đồng quản trị.

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2016:

- Tổng doanh thu: 80.081.000.000 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 4.091.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 2.480.000.000 đồng
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 555 đồng/cổ phiếu

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016:

Căn cứ vào kết quả kinh doanh dự kiến như trên, Hội đồng Quản trị trình Đại hội phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 5 % lợi nhuận sau thuế
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10 % lợi nhuận sau thuế
- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 5 %/ Vốn điều lệ

Kính trình Đại hội xem xét, phê chuẩn.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÀNH TRUNG

TỜ TRÌNH

“V/v: Thông qua Chủ tịch HĐQT kiêm chức danh Tổng Giám đốc”

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014 .
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ phần Dược Becamex;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐQT ngày 31/03/2016 của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm chức danh Tổng Giám đốc điều hành của Công ty, như sau:

**THÔNG QUA ÔNG NGUYỄN THÀNH TRUNG – CHỦ TỊCH
HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY**

Kính trình Đại hội xem xét, phê chuẩn.
Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÀNH TRUNG

TỜ TRÌNH

“V/v: *Phê duyệt thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2016*”

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP DƯỢC BECAMEX

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014 .
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ phần Dược Becamex;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

Hội đồng quản trị Công ty CP Dược Becamex kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2015:

Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2015 với tổng số tiền là: 204.000.000 đồng

2. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2016:

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN/ THÁNG (Đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	4.000.000
2	Thành viên HĐQT	2.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	2.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	1.000.000
5	Thư ký HĐQT	1.000.000

Kính trình Đại hội xem xét, phê chuẩn.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÀNH TRUNG

TỜ TRÌNH

***“V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên
và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016”***

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP DƯỢC BECAMEX

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014 .
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ phần Dược Becamex;

Năm 2015, thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược Becamex đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính.

Trong năm 2016, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt ủy quyền cho Ban Kiểm Soát chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 nằm trong danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán trong lĩnh vực chứng khoán.

Kính trình Đại hội xem xét, phê chuẩn.

Trân trọng .

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN THỊ THANH NHÀN

TỜ TRÌNH

“ V/v : Sửa đổi , bổ sung điều lệ Công ty ”

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP DƯỢC BECAMEX

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 26/11/2014 (“**Luật Doanh nghiệp năm 2014**”).
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ phần Dược Becamex ban hành ngày 29 tháng 05 năm 2013 (**Điều lệ Công ty**”).

Để Điều lệ Công ty cho phù hợp với các nội dung quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014. Hội đồng Quản trị đã rà soát, xem xét một số điều khoản của bản Điều lệ Công ty, chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ Công ty được nêu chi tiết tại Phụ lục đính kèm tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua bản Điều lệ mới của công ty bao gồm các điều khoản đã được sửa đổi, bổ sung. Bản Điều lệ mới có hiệu lực kể từ ngày thông qua và thay thế cho bản Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung ngày 29/05/2013.

Kính trình Đại hội xem xét, phê chuẩn.
Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN THÀNH TRUNG

**PHỤ LỤC SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX**

Điều	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 1. Định nghĩa	<p>a. “<i>Vốn điều lệ</i>” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>b. “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2006.</p> <p>d. “<i>Cán bộ quản lý</i>” là Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn</p> <p>e. “<i>Người có liên quan</i>” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp</p>	<p>a. “<i>Vốn điều lệ</i>” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>b. “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015.</p> <p>d. “<i>Người quản lý doanh nghiệp</i>” là người quản lý Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết các giao dịch của Công ty;</p> <p>e. “<i>Người có liên quan</i>” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty và được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 29 Điều 4 LDN</p> <p>Sửa đổi cho phù hợp với quy định</p> <p>Khoản 18 Điều 4 LDN</p> <p>Khoản 17 Điều 4 LDN</p>

<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>4. Công ty có một người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Khoản 2 Điều 13 LDN</p>
<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p>	<p>2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật</p>	<p>2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật để đáp ứng nhu cầu kinh doanh</p> <p>Công ty thay đổi vốn điều lệ trong trường hợp Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p>	<p>Khoản 5 Điều 111 và khoản 2 Điều 131 LDN</p>

<p>Điều 10. Quyền của cổ đông</p>	<p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu tháng có các quyền sau: b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điểm đ Khoản 1 Điều 114 LDN</p> <p>Thay đổi từ 79, 97 sang Điều 114, 136</p>
<p>Điều 11: Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; chòu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.</p>	<p>3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>8. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.</p>	<p>Khoản 1 Điều 115 LDN</p> <p>Khoản 2 Điều 115</p>

			LDN
		9. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	Khoản 3 Điều 115 LDN
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:	
	c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	Điểm b Khoản 3 Điều 136 LDN
	e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	Thay đổi từ Điều 119 sang Điều 160
	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:	
	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản Error! Reference source not found. của điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ	b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 của Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	Thay đổi từ điều 97 sang Điều 136

	đồng theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.		
	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b của điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản Error! Reference source not found. d của điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 của Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 11 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	Thay đổi từ điều 97 sang Điều 136
Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:	Khoản 2 Điều 136 LDN
	a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;	a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty	
	b) Báo cáo của Ban kiểm soát;	b) Báo cáo tài chính hằng năm;	
	c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;	c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;	
	d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;	
		e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;	
	f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;		

		g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền	
	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:	
	1. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	1. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;	Điểm d Khoản 2 Điều 135 LDN
	o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	Thay đổi Điều 120 thành Điều 162

<p>Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>Khoản 1 Điều 139 LDN</p>
---	--	---	-------------------------------------

	phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.		
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	Khoản 1 Điều 141 LDN
	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51%</u> cổ phần có quyền biểu quyết.	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp Đại hội cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.	Khoản 2 Điều 141 LDN

<p>Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có thể có người làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp</p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. <i>Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</i></p>	<p>Điểm a khoản 2 Điều 142 LDN</p>
<p>Điều 19. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần 	<p>Khoản 1 Điều 144 LDN</p>

		nhất; e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;	
	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản Error! Reference source not found. của điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p>	<p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều này.</p>	Khoản 2 Điều 144 LDN
		3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận	Khoản 4 Điều 144 LDN
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty. Hội</p>	Khoản 2 Điều 143 LDN (luật quy định

<p>thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>		<p>đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>b) Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	<p>các trường hợp này phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp của ĐHĐCĐ, chỉ được lấy ý kiến bằng văn bản khi quy định cụ thể trong điều lệ cho phép lấy ý kiến bằng văn bản)</p>
	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông; Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày</p>	<p>Khoản 2 Điều 145 LDN</p>

	phiếu lấy ý kiến.	<i>trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</i>	
	7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;	Khoản 6 Điều 145 LDN
	9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 8 Điều 145 LDN
Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên Website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết	3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục	Điều 146 LDN

	<p>thúc.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	
<p>Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p>	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p>	<p>Khoản 2 Điều 149 LDN</p>
	<p>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm</p>	<p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p>	
	<p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p>	
	<p>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ</p>	<p>c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác</p>	
	<p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty</p>	<p>d. Quyết định giá bán cổ phần;</p>	

	<p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành</p> <p>k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>l. Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty.</p>	<p>đ) Quyết định phương án phát hành và giá trái phiếu</p> <p>e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều</p>	
--	---	---	--

		<p>hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	
	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê</p>	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua,</p>	<p>Thay đổi Điều 108 thành Điều 149; điều 120 thành điều 162</p>

	tóm công ty và liên doanh);	bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);	
Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị	1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Khoản 1 Điều 152 LDN
Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.	2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.	Khoản 3 Điều 153 LDN

	<p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản Error! Reference source not found. điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản Error! Reference source not found. điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Khoản 5 Điều 153 LDN</p>
	<p>7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p>	<p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p>	<p>Khoản 6 Điều 153 LDN</p>

	<p>Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p>		
	<p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp</p>	<p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Khoản 8 Điều 153 LDN</p>

<p>Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</p>	<p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p>	<p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 2 Điều 157 LDN</p>
--	---	--	-------------------------------------

<p>Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;</p>	<p>Khoản 2 Điều 159 LDN</p>
	<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng</p>	<p>4. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>– Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p>	<p>Điều 162 LDN</p>

	<p>quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong</p>	<p>– Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>– Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật này.</p> <p>a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại điểm a khoản 4 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ</p>	
--	---	--	--

	<p>báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</p> <p>c. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>	
--	--	---	--

<p>Điều 34. Thành viên Ban kiểm soát</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác của công ty.</p> <p>Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban, Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát; b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; 	<p>1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện của kiểm soát viên theo quy định tại Điều 163 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn ½ số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:..</p>	<p>Điều 163 LDN</p>
---	---	---	-------------------------

	c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.		
--	---	--	--

Điều 35. Ban kiểm soát	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Điều 164 LDN
	a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám Đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao	a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty	
	b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;	b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính	
	c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại Hội Đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;	c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông	
d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại Hội Đồng cổ	d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.		

	đông hoặc theo yêu cầu cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh Nghiệp		
--	---	--	--

	<p>e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 79 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời gian 7 ngày làm việc, từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p> <p>Việc kiểm tra của ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p>	<p>e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này.</p>	
	<p>f. Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;</p> <p>g. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 119 của Luật</p>	<p>f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p> <p>g. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây</p>	

	<p>doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả</p> <p>h. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>i. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>h. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>i. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>j. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</p> <p>k. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>l. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>m. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
--	---	---	--

<p>Điều 45. Con dấu</p>	<p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>1. Công ty có một con dấu. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức và nội dung con dấu của Công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên doanh nghiệp;</p> <p>b) Mã số doanh nghiệp.</p> <p>2. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu.</p> <p>4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.</p>	<p>Điều 44 LDN</p>
<p>Điều 51. Ngày hiệu lực</p>	<p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p>	<p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc <i>người đại diện theo pháp luật</i> của công ty mới có giá trị.</p>	<p>khoản 3c Điều 25 LDN</p>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC BECAMEX

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 34
8. Phụ lục	35 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dược Becamex trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần dược Becamex (trước đây là Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Dương) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700683163 ngày 12 tháng 2 năm 2009 (số cũ 4603000202) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 40.400.000.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp			
TNHH MTV Becamex IDC	2.060.400	20.604.000.000	51
Các cổ đông khác	1.979.600	19.796.000.000	49
Cộng	4.040.000	40.400.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước,
thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (0650) 3.553.326

Fax : (0650) 3.559.899

Mã số thuế : 3700683163

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần dược Becamex	Ki ốt 02, tổ 07, đường D9T743, Phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: sản xuất dược phẩm, vật tư y tế; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu, sản xuất, gia công các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng; mua bán dược phẩm, vật tư y tế, mỹ phẩm; mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế), nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, các loại thực phẩm và thực phẩm chức năng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14 tháng 5 năm 2014, lợi nhuận năm 2013 được phân phối như sau:

- Chia cổ tức	7% mệnh giá
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	167.308.808 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	167.308.808 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	167.308.808 VND



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Trung	Chủ tịch	16 tháng 5 năm 2012	-
Ông Phan Công Lý	Thành viên	16 tháng 5 năm 2012	-
Ông Trần Thanh Nhường	Thành viên	16 tháng 5 năm 2012	14 tháng 5 năm 2014
Ông Quảng Văn Viết Cường	Thành viên	29 tháng 5 năm 2013	-
Ông Giang Quốc Dũng	Thành viên	29 tháng 5 năm 2013	-
Bà Nguyễn Thị Bích Sơn	Thành viên	14 tháng 5 năm 2014	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Trưởng ban	14 tháng 5 năm 2014	-
Ông Trần Thiện Thế	Thành viên	14 tháng 5 năm 2014	-
Ông Trần Quốc Thắng	Thành viên	29 tháng 5 năm 2013	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Trung	Tổng Giám đốc	14 tháng 5 năm 2014	-
Ông Trần Thanh Nhường	Tổng Giám đốc	01 tháng 12 năm 2012	14 tháng 5 năm 2014
Ông Lê Trung Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2012	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

10068
ÔNG
HẮN
CAM
T.T.BINH

0449815
CÔNG TY
KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN
A & C
T.T.PHỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần dược Becamex tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch

Ngày 25 tháng 3 năm 2015



Số: 0314/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần dược Becamex, được lập ngày 14 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần dược Becamex tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần dược Becamex cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 10 tháng 3 năm 2014.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.


Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015



Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0093-2013-008-1

500
CÔ
NH
TOÁ
A
H-T.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.327.978.088	184.123.170.211
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	561.463.531	2.514.926.430
1. Tiền	111		561.463.531	2.514.926.430
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.388.349.099	148.701.031.503
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	126.999.457.163	144.344.491.086
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	362.050.730	6.001.426.207
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.450.264.380	1.363.900.744
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(3.423.423.174)	(3.008.786.534)
IV. Hàng tồn kho	140		18.341.459.267	31.429.441.274
1. Hàng tồn kho	141	V.6	18.372.873.049	31.671.716.147
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(31.413.782)	(242.274.873)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.036.706.191	1.477.771.004
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	326.142.357	191.506.730
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1.710.563.834	1.286.264.274



4981
IG T
ỆM HỮ
V V A T
& C
PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.111.694.014	51.427.488.840
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		40.754.710.741	44.808.867.664
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	40.693.460.766	44.712.617.685
<i>Nguyên giá</i>	222		71.029.888.315	70.263.053.136
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(30.336.427.549)	(25.550.435.451)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	61.249.975	96.249.979
<i>Nguyên giá</i>	228		319.090.900	319.090.900
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(257.840.925)	(222.840.921)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.356.983.273	6.618.621.176
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	6.301.715.368	6.563.353.271
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	55.267.905	55.267.905
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		193.439.672.102	235.550.659.051

0683
NG T
AN DI
AME
T. BÌNH

C.T.
HẠN
VẤN
CHI M.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		139.548.471.370	183.659.436.563
I. Nợ ngắn hạn	310		136.278.899.120	181.130.001.063
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	22.352.452.290	17.914.747.149
2. Phải trả người bán	312	V.15	105.034.649.191	153.154.800.857
3. Người mua trả tiền trước	313		91.246.744	58.450.214
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5.149.100.202	6.116.127.099
5. Phải trả người lao động	315	V.17	1.110.166.842	957.424.783
6. Chi phí phải trả	316	V.18	273.792.890	340.048.201
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.109.030.505	2.588.251.112
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	158.460.456	151.648
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.269.572.250	2.529.435.500
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	3.269.572.250	2.529.435.500
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.891.200.732	51.891.222.488
I. Vốn chủ sở hữu	410		53.891.200.732	51.891.222.488
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	40.400.000.000	40.400.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	4.937.900.000	4.937.900.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.22	(196.000.000)	(196.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	3.152.206.062	2.984.897.254
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	575.757.891	408.449.083
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	5.021.336.779	3.355.976.151
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		193.439.672.102	235.550.659.051

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.23	355.819.281	355.819.281		
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		96,31	107,19		
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

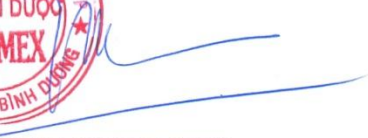
Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2015



Lý Thị Lộc
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2014


Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83.510.302.630	87.931.390.387
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	284.493.251	367.469.068
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	83.225.809.379	87.563.921.319
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58.422.087.268	64.639.071.787
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.803.722.111	22.924.849.532
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.042.546	17.599.934
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.151.602.724	1.399.559.050
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.151.602.724	1.386.787.450
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.855.072.238	4.639.138.705
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.692.863.235	9.899.467.897
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.112.226.460	7.004.283.814
11. Thu nhập khác	31	VI.7	450.718.382	592.323.146
12. Chi phí khác	32		50.213.699	340.712.121
13. Lợi nhuận khác	40		400.504.683	251.611.025
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.512.731.143	7.255.894.839
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	3.424.564.090	3.896.508.976
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	-	348.719.327
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.088.167.053</u>	<u>3.010.666.536</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>1.266</u>	<u>749</u>



Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2015


Lý Thị Lộc
Người lập biểu


Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch HĐQT

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.512.731.143	7.255.894.839
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 11	5.070.102.903	5.261.616.625
- Các khoản dự phòng	03	V.5, 7	203.775.549	1.478.909.713
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(653.884)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.030.161)	(16.946.050)
- Chi phí lãi vay	06	V1.4	2.151.602.724	1.386.787.450
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.912.182.158	15.365.608.693
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22.473.746.204	(38.398.730.134)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.298.843.098	(1.973.583.659)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(48.709.416.192)	23.030.408.270
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		127.002.276	621.435.995
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.18; V1.4	(2.249.141.236)	(1.191.155.480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(3.935.808.893)	(6.124.493.742)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		563.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(269.600.000)	(138.407.741)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.789.192.585)	(8.808.917.798)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(168.909.455)	(185.537.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V1.7	42.630.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	16.946.050
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(126.279.455)	(168.591.677)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính


12

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	43.415.913.243	33.617.567.517
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(38.978.208.102)	(22.102.808.826)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(3.475.696.000)	(1.427.305.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>962.009.141</i></u>	<u><i>10.087.453.691</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.953.462.899)	1.109.944.216
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.514.926.430	1.404.328.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	653.884
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>561.463.531</u>	<u>2.514.926.430</u>

Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2015



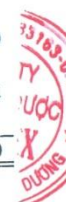
Lý Thị Lộc
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch HĐQT



15-C
TY
CỔ PHẦN
DƯỢC
BÌNH
DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế và kinh doanh bất động sản.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 294 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 264 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

14

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với chi phí sản xuất dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp.
- Đối với thành phẩm: bao gồm giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Đối với hàng hóa bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	16 – 30
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	5 – 8

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao từ 3 - 8 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất đã trả cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV (Becamex IDC) được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 35 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc là $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) của tháng cuối cùng trong năm tài chính cho 1 năm làm việc và được hạch toán vào chi phí.

Tăng, giảm số dư quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Không có
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	Không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Không có

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

0068
NG 1
ẤN C
AM
T. BÌNH

40
IG
ỆM
IV
&
PY

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.087 VND/USD
31/12/2014: 21.320 VND/USD

31/12/2014
Y
UC
X
DVA

115-C
TY
HUU HA
TU VA
C
OCHI

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi bất động sản đã được bàn giao cho khách hàng. Đối với bất động sản là nhà thô được ghi nhận theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Quyền sử dụng đất được ghi nhận khi có biên bản bàn giao đất;
- Giai đoạn 2: Phần xây dựng được ghi nhận khi cơ sở hạ tầng đã hoàn thành và được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	63.735.515	68.339.950
Tiền gửi ngân hàng	497.728.016	2.446.586.480
Cộng	561.463.531	2.514.926.430

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên có liên quan	121.785.565.261	139.803.045.731
Phải thu khách hàng khác	5.213.891.902	4.541.445.355
Cộng	126.999.457.163	144.344.491.086

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước các bên có liên quan	-	5.802.000.000
Trả trước nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	362.050.730	199.426.207
Cộng	362.050.730	6.001.426.207

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp TNHH MTV Becamex IDC (khoản hỗ trợ chi phí lãi vay)	1.353.900.744	1.353.900.744
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	86.363.636	-
Phải thu khác	10.000.000	10.000.000
Cộng	<u>1.450.264.380</u>	<u>1.363.900.744</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(1.954.042)	(59.600.154)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(243.255.138)	(608.250.949)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(835.078.070)	(31.312.394)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	(2.343.135.924)	(2.309.623.037)
Cộng	<u>(3.423.423.174)</u>	<u>(3.008.786.534)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.008.786.534)	(1.543.443.033)
Trích lập dự phòng bổ sung	(414.636.640)	(1.821.162.782)
Giảm khác (xử lý công nợ Công ty Phúc Hưng)	-	355.819.281
Số cuối năm	<u>(3.423.423.174)</u>	<u>(3.008.786.534)</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	6.483.017.336	6.780.459.896
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.017.139.179	702.920.778
Thành phẩm	3.120.920.926	3.321.778.602
Hàng hóa	1.921.610.934	2.720.267.662
Hàng hóa bất động sản	3.426.431.658	16.625.942.061
Hàng gửi đi bán	1.403.753.016	1.520.347.148
Cộng	<u>18.372.873.049</u>	<u>31.671.716.147</u>

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành phẩm	(2.889.600)	(202.005.775)
Hàng hóa	(28.524.182)	(40.269.098)
Cộng	<u>(31.413.782)</u>	<u>(242.274.873)</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

K.D:37
CỔ
PH
BEC
CAT-11:0500
CỔ
RÁCH N
ỀM TỐ
A
BÌNH-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(242.274.873)	(228.708.661)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(13.566.212)
Hoàn nhập dự phòng	210.861.091	-
Số cuối năm	(31.413.782)	(242.274.873)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	27.611.392	82.872.428
Chi phí sửa chữa	176.424.106	-
Tiền thuê quầy hàng	-	35.000.000
Chi phí khác	122.106.859	73.634.302
Cộng	326.142.357	191.506.730

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.192.348.697	791.577.609
Tài sản thiếu chờ xử lý	237.368.986	214.080.729
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	280.846.151	280.605.936
Cộng	1.710.563.834	1.286.264.274

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	36.161.925.694	30.384.416.783	2.688.401.796	288.198.995	740.109.868	70.263.053.136
Mua sắm mới	-	168.909.455	-	-	-	168.909.455
Bổ sung nguyên giá các chi phí có liên quan trực tiếp	863.636.364	-	-	-	-	863.636.364
Giảm do thanh lý	-	(265.710.640)	-	-	-	(265.710.640)
Số cuối năm	37.025.562.058	30.287.615.598	2.688.401.796	288.198.995	740.109.868	71.029.888.315
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	525.564.000	2.689.689.092	751.142.400	194.411.155	38.346.000	4.199.152.647
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	6.770.254.975	15.983.358.268	2.068.535.316	262.415.671	465.871.221	25.550.435.451
Khấu hao trong năm	1.444.269.486	3.159.197.540	293.583.564	11.900.004	126.152.305	5.035.102.899
Giảm do thanh lý	-	(249.110.801)	-	-	-	(249.110.801)
Số cuối năm	8.214.524.461	18.893.445.007	2.362.118.880	274.315.675	592.023.526	30.336.427.549
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	29.391.670.719	14.401.058.515	619.866.480	25.783.324	274.238.647	44.712.617.685
Số cuối năm	28.811.037.597	11.394.170.591	326.282.916	13.883.320	148.086.342	40.693.460.766
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 59.474.153.665 VND và 37.514.180.977 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	319.090.900
Số cuối năm	319.090.900
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.090.900
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	222.840.921
Khấu hao trong năm	35.000.004
Số cuối năm	257.840.925
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	96.249.979
Số cuối năm	61.249.975
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất	5.788.240.160	-	(165.378.288)	5.622.861.872
Công cụ dụng cụ	775.113.111	223.868.223	(629.127.866)	369.853.468
Chi phí sửa chữa tài sản	-	425.984.654	(116.984.626)	309.000.028
Cộng	6.563.353.271	649.852.877	(911.490.780)	6.301.715.368

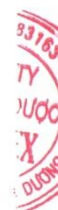
13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các tài sản cố định chưa tính khấu hao và các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	55.267.905	403.987.232
Số hoàn nhập	-	(348.719.327)
Số cuối năm	55.267.905	55.267.905

Công ty có lỗ tính thuế được chuyển sang các năm sau lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Năm 2011	12.156.098.322
Năm 2012	9.231.070.485
Năm 2013	6.454.532.581
Năm 2014	6.936.262.396
Cộng	34.777.963.784



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

14. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thay đổi theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay là 9 tháng/món. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số nhà xưởng và máy móc thiết bị của Công ty (xem thuyết minh số V.10).

Chi tiết số phát sinh về khoản vay như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	17.914.747.149	6.399.988.458
Số tiền vay phát sinh	43.415.913.243	33.617.567.517
Số tiền vay đã trả	(38.978.208.102)	(22.102.808.826)
Số cuối năm	22.352.452.290	17.914.747.149

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	100.177.368.414	149.951.780.769
Phải trả các nhà cung cấp khác	4.857.280.777	3.203.020.088
Cộng	105.034.649.191	153.154.800.857

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.155.744.559	2.100.600.737	(2.548.819.661)	1.707.525.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.935.808.893	3.424.564.090	(3.935.808.893)	3.424.564.090
Thuế thu nhập cá nhân	24.573.647	107.001.051	(123.104.034)	8.470.664
Thuế môn bài	-	162.000.000	(162.000.000)	-
Các loại thuế khác	-	35.723.166	(27.183.353)	8.539.813
Cộng	6.116.127.099	5.829.889.044	(6.796.915.941)	5.149.100.202

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động bán thuốc	5%
- Hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm và vật tư y tế, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm tài chính 2008 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Năm 2014 là năm thứ 5 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.512.731.143	7.255.894.839
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	117.206.871	2.076.806.853
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(43.998.800)
Thu nhập chịu thuế	8.629.938.014	9.288.702.892
Trong đó:		
- Hoạt động kinh doanh chính	(6.936.262.396)	(6.454.532.581)
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	15.566.200.410	15.743.235.573
- Thu nhập khác	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	-	(39.299.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>3.424.564.090</u>	<u>3.896.508.976</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	98.093.458	195.631.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả	90.000.000	91.000.000
Chi phí khác	85.699.432	53.416.231
Cộng	<u>273.792.890</u>	<u>340.048.201</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	266.186.152	217.321.691
Kinh phí công đoàn	130.930.555	73.324.808
Bảo hiểm xã hội	80.099.045	33.001.246
Bảo hiểm y tế	39.028.992	-
Bảo hiểm thất nghiệp	19.456.061	-
Cổ tức phải trả	1.510.291.000	2.171.707.000
Các khoản phải trả khác	63.038.700	92.896.367
Cộng	<u>2.109.030.505</u>	<u>2.588.251.112</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	151.648	(128.842.741)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	167.308.808	138.559.389
Chi quỹ	(9.000.000)	(9.565.000)
Số cuối năm	<u>158.460.456</u>	<u>151.648</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

25

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản ký quỹ của các hiệu thuốc	2.527.000.000	2.118.000.000
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	742.572.250	411.435.500
Cộng	<u>3.269.572.250</u>	<u>2.529.435.500</u>

22. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Cổ tức

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 3.475.696.000 VND (năm trước là 1.427.305.000 VND).

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.040.000	4.040.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.040.000	4.040.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.040.000	4.040.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(19.600)	(19.600)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(19.600)	(19.600)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.020.400	4.020.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.020.400	4.020.400
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	355.819.281	-
Nợ khó đòi đã xử lý	-	355.819.281
Số cuối năm	<u>355.819.281</u>	<u>355.819.281</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	83.510.302.630	87.931.390.387
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	25.990.577.954	22.239.923.847
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	24.750.420.280	25.177.294.070
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	661.187.669	363.941.969
- <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	32.108.116.727	40.150.230.501
Các khoản giảm trừ doanh thu	(284.493.251)	(367.469.068)
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	(231.379.612)	-
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(53.113.639)	(228.597.592)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(138.871.476)
Doanh thu thuần	<u>83.225.809.379</u>	<u>87.563.921.319</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

26

K.Đ.3
C
ĐỒ PH
BEC
CÁT3004
CÓN
CH NHI
TOÁN
A
VH-T

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	25.765.091.880	22.239.923.847
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	24.691.413.103	24.809.825.002
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	661.187.669	363.941.969
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	32.108.116.727	40.150.230.501
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	20.825.887.785	22.033.655.528
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	20.857.536.646	17.492.740.078
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	174.974.766	72.601.442
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	13.199.510.403	20.052.369.941
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	3.575.038.759	4.974.138.586
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(210.861.091)	13.566.212
Cộng	<u>58.422.087.268</u>	<u>64.639.071.787</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn.		
4. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.151.602.724	1.386.787.450
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	12.771.600
Cộng	<u>2.151.602.724</u>	<u>1.399.559.050</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.625.917.979	2.815.613.981
Chi phí đồ dùng văn phòng	107.745.584	334.793.844
Chi phí khấu hao tài sản cố định	235.512.240	235.512.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	13.596.769
Chi phí khác	1.885.896.435	1.239.621.895
Cộng	<u>5.855.072.238</u>	<u>4.639.138.705</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.778.266.091	3.479.228.864
Chi phí đồ dùng văn phòng	558.898.712	537.664.702
Chi phí khấu hao tài sản cố định	511.436.902	720.807.397
Thuế, phí và lệ phí	525.110.967	128.000.000
Chi phí dự phòng	414.636.640	467.262.038
Chi phí khác	2.904.513.923	4.566.504.896
Cộng	<u>8.692.863.235</u>	<u>9.899.467.897</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

700
ÔNG
IẾN
AM
T. BIN1081
G T
M H
V A T
P H C

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	42.630.000	191.146.372
Giá trị hàng được khuyến mãi	173.905.994	138.993.722
Chiết khấu mua hàng được hưởng	175.946.117	172.392.379
Thu nhập khác	58.236.271	89.790.673
Cộng	450.718.382	592.323.146

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.088.167.053	3.010.666.536
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.088.167.053	3.010.666.536
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.020.400	4.020.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.266	749

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.446.430.640	11.061.462.019
Chi phí nhân công	10.766.911.544	9.431.412.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.070.102.903	5.261.616.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	13.596.769
Chi phí khác	6.353.608.593	6.742.789.615
Cộng	38.637.053.680	32.510.877.141

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 703.308.000 VND (năm trước là 702.924.272 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC)	Công ty mẹ
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC)		
Bán hàng hóa	-	299.489.131
Mua dịch vụ	911.023.471	40.098.704
Mua bất động sản	-	25.933.809.520
Cổ tức phải trả	1.442.280.000	1.030.200.000
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Bán bất động sản	32.108.116.727	42.160.008.550
Mua dịch vụ	-	60.000.000
Cổ tức phải trả	71.400.000	-
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Bán hàng hóa	2.231.801.688	3.277.928.836
Phí khám sức khỏe	19.710.000	-
Mua thuốc	504.603.616	502.273.051
Mua hàng hóa	20.668.183	-
Mua thức ăn	304.450.909	151.840.000
Hoa hồng bán thuốc	33.463.430	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC)		
Bán thành phẩm, hàng hóa	-	299.489.131
Hỗ trợ chi phí lãi vay dài hạn năm 2009 ⁽ⁱ⁾	1.353.900.744	1.353.900.744
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Bán hàng hóa	-	120.307.636
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Bán bất động sản	121.453.617.548	138.561.138.550
Ứng trước tiền xây dựng cơ bản	-	6.000.000.000
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Bán thuốc	331.947.713	822.110.414
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	241.495.980	241.495.980
Cộng nợ phải thu	123.380.961.985	147.398.442.455

⁽ⁱ⁾ Công ty đã lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho khoản hỗ trợ chi phí lãi vay dài hạn năm 2009 của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC).

Các khoản công nợ phải thu không có đảm bảo và sẽ được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC)</i>		
Mua máy móc, thiết bị y tế	15.639.305.099	15.639.305.099
Mua bất động sản	81.993.636.400	133.027.932.400
Cổ tức phải trả	103.020.000	1.133.220.000
Khác	976.042.473	5.946.170
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Phải trả tiền xây dựng cơ bản	801.421.464	921.729.100
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</i>		
Cổ tức phải trả	-	50.000.000
Thuê căn hộ	-	198.000.000
<i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Mua thuốc và mua thức ăn	766.962.978	158.868.000
<i>Công ty chứng khoán Đệ Nhất</i>		
Cổ tức phải trả	256.900.000	183.500.000
Cộng nợ phải trả	<u>100.537.288.414</u>	<u>151.318.500.769</u>

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Các chi phí dùng chung được phân bổ cho các bộ phận theo doanh thu.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất dược phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 2 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	561.463.531	-	561.463.531
Phải thu khách hàng	124.403.760.806	2.595.696.357	126.999.457.163
Các khoản phải thu khác	280.846.151	1.353.900.744	1.634.746.895
Cộng	125.246.070.488	3.949.597.101	129.195.667.589
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.514.926.430	-	2.514.926.430
Phải thu khách hàng	142.689.605.296	1.654.885.790	144.344.491.086
Các khoản phải thu khác	-	1.353.900.744	1.353.900.744
Cộng	145.204.531.726	3.008.786.534	148.213.318.260

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ	22.352.452.290	-	22.352.452.290
Phải trả người bán	105.034.649.191	-	105.034.649.191
Các khoản phải trả khác	1.784.083.890	2.527.000.000	4.311.083.890
Cộng	129.171.185.371	2.527.000.000	131.698.185.371
Số đầu năm			
Vay và nợ	17.914.747.149	-	17.914.747.149
Phải trả người bán	153.154.800.857	-	153.154.800.857
Các khoản phải trả khác	2.928.299.313	2.118.000.000	5.046.299.313
Cộng	173.997.847.319	2.118.000.000	176.115.847.319

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có tiền và các khoản tương đương tiền có gốc USD với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 96,31 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 107,25 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 22.352.452.290 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 17.914.747.149 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 447.049.046 VND (năm trước giảm/tăng 358.294.943 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	561.463.531	-	2.514.926.430	-	561.463.531	2.514.926.430
Phải thu khách hàng	126.999.457.163	(2.069.522.430)	144.344.491.086	(1.654.885.790)	124.929.934.733	142.689.605.296
Các khoản phải thu khác	1.634.746.895	(1.353.900.744)	1.353.900.744	(1.353.900.744)	280.846.151	-
Cộng	129.195.667.589	(3.423.423.174)	148.213.318.260	(3.008.786.534)	125.772.244.415	145.204.531.726

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	22.352.452.290	17.914.747.149	22.352.452.290
Phải trả người bán	105.034.649.191	153.154.800.857	105.034.649.191	153.154.800.857
Các khoản phải trả khác	4.311.083.890	5.046.299.313	4.311.083.890	5.046.299.313
Cộng	131.698.185.371	176.115.847.319	131.698.185.371	176.115.847.319

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

33

1376
TY
DUC
EX
H D

15-C.T
TY
TUU HAN
TU VAN
C
CHINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.


Bình Dương, ngày 14 tháng 01 năm 2015



Lý Thị Lộc
Người lập biểu



Nguyễn Thị Bích Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Trung
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
						phối	Cộng
Số đầu năm trước	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.707.778.476	408.449.083	2.771.187.782	51.029.315.341
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	3.010.666.536	3.010.666.536
Trích lập các quỹ	-	-	-	277.118.778	-	(415.678.167)	(138.559.389)
Chi cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(2.010.200.000)	(2.010.200.000)
Số dư cuối năm trước	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.984.897.254	408.449.083	3.355.976.151	51.891.222.488
Số dư đầu năm nay	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	2.984.897.254	408.449.083	3.355.976.151	51.891.222.488
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	5.088.167.053	5.088.167.053
Trích lập các quỹ	-	-	-	167.308.808	167.308.808	(501.926.425)	(167.308.809)
Chi cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(2.814.280.000)	(2.814.280.000)
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	(106.600.000)	(106.600.000)
Số dư cuối năm	40.400.000.000	4.937.900.000	(196.000.000)	3.152.206.062	575.757.891	5.021.336.779	53.891.200.732

Nguyễn Thành Trung
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Bích Sơn
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lộc
 Người lập biểu

Ngày 14 tháng 01 năm 2015

S.Đ.K.K.Đ. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX H. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

M. S. D. N. 030 TRÁCH KIỂM T. Q. T. AN BÌNH

S.Đ.K.K.Đ. H. BẾN CÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

	Lĩnh vực sản xuất được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh được phẩm, vật tư y tế	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.765.091.880	25.352.600.772	32.108.116.727	-	83.225.809.379
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.765.091.880	25.352.600.772	32.108.116.727	-	83.225.809.379
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.419.527.043)	1.459.570.592	18.908.606.324	-	18.948.649.873
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(8.692.863.235)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					10.255.786.638
Doanh thu hoạt động tài chính					8.042.546
Chi phí tài chính					(2.151.602.724)
Thu nhập khác					450.718.382
Chi phí khác					(50.213.699)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.424.564.090)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					5.088.167.053
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.682.398.696	-	-	-	1.682.398.696
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.831.183.252	289.347.749	-	-	5.120.531.001
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	22.239.923.847	25.173.766.971	40.150.230.501	-	87.563.921.319
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.239.923.847	25.173.766.971	40.150.230.501	-	87.563.921.319
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(2.416.561.108)	604.411.375	20.097.860.560	-	18.285.710.827
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(9.899.467.897)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					8.386.242.930
Doanh thu hoạt động tài chính					17.599.934
Chi phí tài chính					(1.399.559.050)
Thu nhập khác					592.323.146
Chi phí khác					(340.712.121)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.896.508.976)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(348.719.327)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					3.010.666.536
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	424.731.727	-	-	-	424.731.727
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.752.018.737	297.106.718	-	-	5.049.125.455
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

370068
CÔNG TY
PHÂN I
ECAM
AT-T.BN

449875
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
AN VÀ TỰ
& C
T.P.HỒC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC BECAMEX

Địa chỉ: Đường NA6, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 2: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND				
	Lĩnh vực sản xuất được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh được phẩm, vật tư y tế	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	48.704.840.652	5.166.093.814	124.880.049.206	-	178.750.983.672
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					14.688.688.430
Tổng tài sản					193.439.672.102
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	25.685.231.348	23.069.052.727	81.993.636.400	-	130.747.920.475
Tổng nợ phải trả					8.800.550.895
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	52.822.420.118	4.888.003.771	160.989.080.611	-	218.699.504.500
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					16.851.154.551
Tổng tài sản					235.550.659.051
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	18.712.932.315	23.214.041.989	136.963.741.293	-	178.890.715.597
Tổng nợ phải trả					4.768.720.966
					183.659.436.563

Nguyễn Thị Bích Sơn
 Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Bích Sơn
 Kế toán trưởng

Lý Thị Lộc
 Người lập biểu

